

Số: 85/2026/QĐST-HNGĐ

Tuyên Quang, ngày 14 tháng 05 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 117/2026/TLST-HNGĐ, ngày 23 tháng 04 năm 2026 giữa:

- Nguyên đơn: Chị **Hoàng Diệu L**, sinh năm 1993; Địa chỉ: **khu G, xã T, tỉnh Phú Thọ**; Căn cước công dân số 025193008073 do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 10/05/2021

- Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn H**, sinh năm 1994; Địa chỉ: **Thôn T, xã B, tỉnh Tuyên Quang**; Căn cước công dân số 002094010024 do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 23/04/2024

Căn cứ vào các Điều 147, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 7 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào các Điều 55, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 06 tháng 05 năm 2026,

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 06 tháng 05 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị **Hoàng Diệu L** và anh **Nguyễn Văn H**.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị **Hoàng Diệu L** và anh **Nguyễn Văn H** tự nguyện thuận tình ly hôn.

Về việc nuôi con: Vợ chồng có 01 con chung là cháu **Nguyễn Hoàng A**, sinh ngày 09/07/2015. Khi ly hôn, chị **Hoàng Diệu L** là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu **Nguyễn Hoàng A** cho đến khi cháu đủ 18 tuổi, anh **Nguyễn Văn H** không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom con, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này. Vì quyền lợi của con chung chị **L**, anh **H** có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về chia tài sản và công nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị **Hoàng Diệu L** tự nguyện chịu toàn bộ 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm ly hôn được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số: 0000838 ngày 23/04/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang; Trả lại cho chị **Hoàng Diệu L** số tiền án phí còn lại là 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng). Anh **Nguyễn Văn H** không phải chịu án phí.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND khu vực 5 – Tuyên Quang;
- UBND xã Trạm Thản, tỉnh Phú Thọ;
- Thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang; Phòng Thi hành án dân sự khu vực 5 - Tuyên Quang;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Đỗ Hải Hà

